

HỎI - ĐÁP VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Việc Trung ương phải ban hành Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam có ý nghĩa như thế nào?

Giáo dục Việt Nam (bao gồm cả đào tạo, sau đây gọi chung là giáo dục) đã đạt được nhiều thành tựu, kết quả, góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, giáo dục đã bộc lộ những yếu kém, bất cập, trong đó có những vấn đề gây bức xúc xã hội kéo dài, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Những đổi mới giáo dục trong thời gian qua thiếu đồng bộ, còn chắp vá; nhiều chính sách, cơ chế, giải pháp về giáo dục đã từng có hiệu quả, nay trở nên không còn phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước, cần được điều chỉnh, bổ sung.

Công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đặc biệt là yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chất lượng, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao đòi hỏi giáo dục phải đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân, nhanh chóng góp phần tạo ra đội ngũ nhân lực chất lượng cao. Nếu không đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo thì nhân lực sẽ là yếu tố cản trở sự phát triển của đất nước.

Nước ta đang trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, khoa học giáo dục và sự cạnh tranh quyết liệt trên nhiều lĩnh vực giữa các quốc gia đòi hỏi giáo dục phải đổi mới. Thực chất cạnh tranh giữa các quốc gia hiện nay là cạnh tranh về nguồn nhân lực và về khoa học và công nghệ. Xu thế chung của thế giới khi bước vào thế kỉ XXI là tiến hành đổi mới mạnh mẽ hay cải cách giáo dục.

Trước thực tế trên, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định "*Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế*" và "*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân*".

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục là một công việc hết sức trọng đại. Trung ương ban hành Nghị quyết để thống nhất nhận thức và hành động; phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, huy động các nguồn lực với sự phối hợp của nhiều cơ quan, ban ngành và các tổ chức xã hội cho sự nghiệp giáo dục.

2. Những thành tựu, kết quả nổi bật của giáo dục và đào tạo nước nhà trong những năm vừa qua? Nguyên nhân?

Giáo dục và đào tạo nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể là:

1. Hệ thống trường lớp và quy mô giáo dục phát triển nhanh, thực hiện nền giáo dục toàn dân, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của nhân dân và nâng cao trình độ đào tạo, trình độ và kỹ năng nghề nghiệp của người lao động.

2. Công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục có nhiều tiến bộ, nhất là đối với người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, các đối tượng chính sách và người có hoàn cảnh khó khăn, bình đẳng giới cơ bản được bảo đảm.

3. Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên, góp phần đáp ứng yêu cầu nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Công tác quản lý giáo dục có bước chuyển biến tích cực.

5. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tăng nhanh về số lượng, trình độ đào tạo được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.

6. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của hệ thống giáo dục và đào tạo được tăng thêm và từng bước hiện đại hoá.

7. Xã hội hoá giáo dục và hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả quan trọng.

Những thành tựu, kết quả quan trọng của giáo dục bắt nguồn từ truyền thống hiếu học của dân tộc; sự quan tâm, chăm lo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của mỗi gia đình và toàn xã hội; sự tận tụy của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; sự ổn định về chính trị cùng với những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

3. Những hạn chế, yếu kém chủ yếu của giáo dục và đào tạo nước nhà trong những năm vừa qua? Nguyên nhân?

Những hạn chế, yếu kém chủ yếu của giáo dục và đào tạo nước ta trong giai đoạn vừa qua là:

1. Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

2. Chương trình giáo dục còn coi nhẹ thực hành, vận dụng kiến thức; phương pháp giáo dục, kiểm tra, thi và đánh giá lạc hậu, thiếu thực chất; thiếu gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc.

3. Hệ thống giáo dục thiếu tính liên thông giữa các trình độ đào tạo và các phương thức giáo dục, chưa phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Chưa gắn đào tạo với sử dụng và nhu cầu của thị trường lao động.

4. Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém, là nguyên nhân của nhiều yếu kém khác, nhiều hiện tượng tiêu cực kéo dài trong giáo dục, gây bức xúc xã hội.

5. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

6. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém:

- Việc thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là quan điểm "giáo dục là quốc sách hàng đầu" còn chậm và lúng túng. Việc xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Mục tiêu giáo dục toàn diện chưa được hiểu và thực hiện đúng. Bệnh hình thức, hư danh, chạy theo bằng cấp... chậm được khắc phục, có mặt nghiêm trọng hơn. Tư tưởng và thói quen bao cấp trong giáo dục còn nặng nề làm hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục, đào tạo.

- Việc phân định giữa quản lý nhà nước với hoạt động quản trị trong các cơ sở giáo dục, đào tạo chưa rõ. Công tác quản lý chất lượng, thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa được coi trọng đúng mức. Sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và gia đình chưa chặt chẽ.

- Nguồn lực quốc gia và khả năng của phần đông gia đình đầu tư cho giáo dục còn thấp so với yêu cầu. Mức chi cho mỗi người học chưa tương xứng với yêu cầu về chất lượng, chưa phù hợp ngành nghề và trình độ đào tạo.

4. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cần đảm bảo các yêu cầu gì?

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục, đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Đổi mới để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhu cầu học tập của nhân dân.

Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học, các giải pháp đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.

Đổi mới căn bản và toàn diện không có nghĩa là làm lại tất cả, từ đầu mà cần vừa kế thừa, củng cố, phát huy các thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới, vừa kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc; đổi mới có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình phù hợp với thực tế đất nước, địa phương. Những hạn chế, thách thức của giáo dục phải được nhận thức sâu sắc, có giải pháp hữu hiệu và lộ trình khắc phục, vượt qua để đưa sự nghiệp giáo dục lên tầm cao mới.

5. Các định hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế được thể hiện như thế nào trong Nghị quyết?

"Chuẩn hoá", "hiện đại hoá", "xã hội hoá", "dân chủ hoá" và "hội nhập quốc tế" có quan hệ chặt chẽ, bổ sung lẫn nhau, được thể hiện trong toàn bộ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới giáo dục. Có thể nêu một số điểm chính như sau:

- Chuẩn hoá mục tiêu, chương trình đào tạo, các trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, kiểm tra đánh giá, chuẩn đầu ra, chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đào tạo, chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, cơ chế quản lý, cơ sở vật chất và các điều kiện khác bảo đảm chất lượng giáo dục.

- Hiện đại hoá mục tiêu, nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, phương pháp đánh giá giáo dục, cơ sở vật chất và hệ thống quản lý giáo dục.

- Xã hội hoá: đa dạng chủ thể đầu tư, chủ thể tham gia và giám sát các hoạt động giáo dục; xây dựng xã hội học tập, bảo đảm điều kiện học tập suốt đời cho mọi người dân; thực hiện tốt phương châm phối hợp chặt chẽ giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

- Dân chủ hoá: tạo bình đẳng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người, nhất là các đối tượng vùng khó khăn và các đối tượng chính sách xã hội; thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục; cấp dưới tham gia đánh giá cấp trên. Công khai kết quả đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và các cơ sở giáo dục; công khai chính sách giáo dục, công khai tài chính, các điều kiện bảo đảm và kết quả giáo dục; tăng cường vai trò của Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục, đào tạo...

- Chủ động hội nhập quốc tế về xu thế phát triển chương trình giáo dục, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục; mở rộng quan hệ song phương và đa phương trong hợp tác quốc tế về giáo dục; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ; xây dựng một số ngành đào tạo, cơ sở giáo dục đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

6. Thế nào là chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục và đào tạo?

Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chi phối ảnh hưởng tới toàn bộ các hoạt động của đất nước ta, trong đó có giáo dục và đào tạo. Thành công của quá trình đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo phụ thuộc rất nhiều vào sự chủ động, năng lực của chúng ta trong việc chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường.

Mặt tích cực của cơ chế thị trường: chú trọng giải quyết quan hệ cung/cầu; cạnh tranh, tạo động lực nâng cao chất lượng đào tạo, chú trọng hiệu quả đầu tư.

Mặt tiêu cực của cơ chế thị trường trong giáo dục: chạy theo lợi nhuận tối đa, bỏ quên lợi ích lâu dài của người học, gây bức xúc xã hội.

Thiên chức xã hội và vai trò quan trọng của giáo dục không cho phép biến giáo dục thành thị trường hàng hóa thông thường. Trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần vận dụng những yếu tố tích cực của kinh tế thị trường để phát triển giáo dục ở phạm vi và mức độ phù hợp. Ảnh hưởng của kinh tế thị trường đến giáo dục là đương nhiên, không nên kì thị, né tránh nhưng phải chủ động phát huy ưu thế, đồng thời làm tốt công tác quản lí, ngăn ngừa, hạn chế những mặt trái của kinh tế thị trường; khuyến khích đầu tư giáo dục không vì lợi nhuận.

Định hướng xã hội chủ nghĩa trong giáo dục và đào tạo: Mục tiêu, nội dung giáo dục và đào tạo phải đảm bảo vì sự phát triển tốt đẹp của con người và xã hội.

Nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư ngân sách cho giáo dục và đào tạo. Nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục đối với mọi người dân; hỗ trợ, có chính sách phù hợp cho giáo dục phổ cập, giáo dục bắt buộc, giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng diện chính sách; thực hiện xã hội hoá giáo dục, tạo điều kiện cho giáo dục ngoài công lập phát triển.

Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Nhà nước tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, của các chủ thể trong hoạt động giáo dục, đào tạo.

7. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam đứng trước những cơ hội và thách thức gì?

Những cơ hội:

- Đất nước ổn định về chính trị, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm qua, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 với yêu cầu tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, cùng với Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020 là những tiền đề cơ bản để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam.

- Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đặc biệt quan tâm, chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, mong muốn đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục, tận dụng cơ hội phát triển đất nước trong giai đoạn "cơ cấu dân số vàng(1)" và hội nhập quốc tế mạnh mẽ.

- Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế tri thức phát triển mạnh làm biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ các yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục (nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục), đổi mới quản lí giáo dục và xây dựng một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại đáp ứng nhu cầu của xã hội và cá nhân người học.

- Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để nước ta tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục và quản lí giáo dục hiện đại và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát triển giáo dục.

- Giáo dục trên thế giới đang diễn ra những xu hướng mới: xây dựng xã hội học tập cùng với các điều kiện bảo đảm học tập suốt đời; đại chúng hoá, đa dạng hoá, toàn cầu hoá, hội nhập và hợp tác cùng với cạnh tranh quốc tế về giáo dục...

- Nhân dân ta với truyền thống hiếu học và chăm lo cho giáo dục, sẽ tiếp tục dành sự quan tâm và đầu tư cao cho giáo dục và đào tạo.

Những thách thức:

- Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, trong khi nguồn lực quốc gia và khả năng đầu tư cho giáo dục của Nhà nước và phân đông gia đình còn hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, đặt ra nhiệm vụ nặng nề và thách thức lớn đối với sự phát triển giáo dục và đào tạo.

- Khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, sự phát triển không đều giữa các địa phương vẫn tiếp tục là nguyên nhân dẫn đến thiếu bình đẳng về cơ hội tiếp cận giáo dục và khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các đối tượng người học và các vùng miền.

- Tư duy bao cấp, sức ì trong nhận thức, tác phong quan liêu trong ứng xử với giáo dục của nhiều cấp, nhiều ngành, của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, không theo kịp sự phát triển nhanh của kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ; bệnh thành tích, hư danh, chạy theo bằng cấp trong cán bộ và người dân chậm được khắc phục.

- Khoảng cách phát triển về kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo giữa nước ta và các nước tiên tiến trong khu vực, trên thế giới có xu hướng gia tăng. Hội nhập quốc tế và sự phát triển của kinh tế thị trường đang làm nảy sinh nhiều nguy cơ tiềm ẩn như sự thâm nhập lối sống không lành mạnh, xói mòn bản sắc văn hoá dân tộc; sự thâm nhập của các loại dịch vụ giáo dục kém chất lượng, lạm dụng dạy thêm, học thêm, chạy trường, chạy điểm...

8. Trong các quan điểm chỉ đạo thể hiện tại Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khoá XI), những nội dung nào là tiếp tục, kế thừa các quan điểm chỉ đạo về giáo dục và đào tạo đã có trước đây của Đảng, những nội dung nào là mới?

Các văn kiện của Đảng về giáo dục và đào tạo trước đây đã nêu nhiều quan điểm chỉ đạo đến nay vẫn còn nguyên giá trị, cần tiếp tục quán triệt và thực hiện: Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển; giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; mục tiêu của giáo dục là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; phát triển giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng - an ninh; đa dạng hoá các loại hình giáo dục; học đi đôi với hành, giáo dục nhà trường gắn liền với giáo dục gia đình, xã hội; thực hiện công bằng trong giáo dục; ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và các đối tượng diện chính sách; thực hiện dân chủ hoá, xã hội hoá giáo dục. Để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội

chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Đảng ta đã đề ra một số nội dung mới trong quan điểm chỉ đạo:

- Giáo dục và đào tạo là một nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đầu tư cho giáo dục được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Cụ thể hóa nội hàm quan niệm và các yêu cầu về "đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo" (xem câu 4).

- Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu chú trọng trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

- Phát triển giáo dục và đào tạo phải phù hợp quy luật phát triển khách quan, những tiến bộ khoa học và công nghệ. Chuyển phát triển giáo dục từ chủ yếu theo mục tiêu số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng. Thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá.

- Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, bảo đảm liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập suốt đời; xây dựng xã hội học tập.

- Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục. Phát triển hài hoà, bình đẳng, hỗ trợ lẫn nhau giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giáo dục các vùng miền.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.

9. Mục tiêu tổng quát đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo có những nội dung nào mới so với mục tiêu lâu nay đã xác định?

- Về mục tiêu đào tạo con người: Vừa đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; vừa đảm bảo phát huy tốt nhất tiềm năng riêng của mỗi cá nhân.

- Về mục tiêu hệ thống: Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; chuẩn hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá, xã hội hoá và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Tạo chuyển biến căn bản mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả, giáo dục đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

10. Thế nào là phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học?

Trước đây mục tiêu *giáo dục toàn diện* thường được hiểu đơn giản là: Học sinh phải học đầy đủ tất cả các môn học thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, nghệ thuật, thể dục thể thao... Không những thế, việc thực

hiện mục tiêu giáo dục cũng nghiêng về truyền thụ kiến thức càng nhiều càng tốt; chú trọng dạy chữ hơn dạy người, chú trọng truyền bá kiến thức hơn đào tạo, bồi dưỡng năng lực của người học; ít yêu cầu người học vận dụng kiến thức vào thực tế... Tình hình này đã dẫn đến hiện tượng "quá tải", vừa thừa, vừa thiếu đối với người học và đối với mục tiêu giáo dục.

Mục tiêu giáo dục theo tinh thần đổi mới là: *phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học*. Toàn diện ở đây được hiểu là chú trọng phát triển cả phẩm chất và năng lực con người, cả dạy chữ, dạy người, dạy nghề. Giáo dục và đào tạo phải tạo ra những con người có phẩm chất, năng lực cần thiết như *trung thực, nhân văn, tự do sáng tạo, có hoài bão và lí tưởng phục vụ Tổ quốc, cộng đồng*; đồng thời phải *phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, làm chủ bản thân, làm chủ đất nước và làm chủ xã hội; có hiểu biết và kĩ năng cơ bản để sống tốt và làm việc hiệu quả...* như Bác Hồ từng mong muốn: "*một nền giáo dục sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em*".

11. Thế nào là thực học, thực nghiệp?

Thực học, thực nghiệp là người dạy và người học hiểu đúng mục đích của việc dạy và học; dạy và học thực chất; kết quả thi, kiểm tra phản ánh đúng, thực chất chất lượng giáo dục; người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục, sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực và phẩm chất cần thiết để sống và làm việc.

Thực học, thực nghiệp đối lập với hư học, hư danh, bệnh thành tích, với việc chạy điểm, chạy bằng cấp, bằng thật học giả mà dư luận xã hội bức xúc, lên án.

12. Thế nào là hệ thống giáo dục mở?

Hệ thống giáo dục mở là hệ thống giáo dục linh hoạt, liên thông giữa các yếu tố (nội dung, phương pháp, phương thức, thời gian, không gian, chủ thể giáo dục...) của hệ thống và liên thông với môi trường bên ngoài hệ thống, bảo đảm tính sáng tạo cho việc xây dựng, tổ chức các nội dung, hình thức giáo dục; tạo cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người; tận dụng các nguồn lực cho giáo dục và bảo đảm tính hiệu quả, phát triển bền vững của hệ thống.

Nói cách khác, hệ thống giáo dục mở là hệ thống giáo dục tạo ra cơ hội phát triển chương trình giáo dục, tạo cơ hội học tập phù hợp cho mọi đối tượng có nhu cầu, không phân biệt lứa tuổi, trình độ học vấn và nghề nghiệp, địa vị xã hội, giới tính trong mọi thời gian khác nhau và không gian khác nhau. Nhờ đó, việc học tập của con người có điều kiện để thực hiện không ngừng suốt đời.

13. Thế nào là học tập suốt đời, xã hội học tập?

Hiện nay, khái niệm "học tập suốt đời" ngày càng được nhắc đến thường xuyên hơn và có mặt trong hầu hết các chiến lược, chính sách quốc gia về giáo dục của mỗi đất nước. Theo UNESCO, "học tập suốt đời" là quá trình học tập diễn ra trong suốt cả cuộc đời, dựa trên bốn trụ cột: học để biết, học để làm việc, học để cùng nhau chung sống và học để làm người; thông qua các phương thức giáo dục chính quy, giáo dục thường xuyên; đặc biệt coi trọng tự học.

Xã hội học tập là một xã hội trong đó tất cả các tổ chức trong xã hội đều tham gia vào quá trình giáo dục, không riêng trường học. Ví dụ, một nhà máy, trách nhiệm chủ yếu là sản xuất hàng hoá, nhưng cũng có thể và cần phải tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân và cũng có thể giáo dục cho công chúng về quá trình sản xuất, về sử dụng sản phẩm, về bảo vệ môi trường... và những đóng góp của họ cho xã hội. Nhà máy phải tham gia cùng nhà trường xây dựng và cải tiến chương trình giáo dục, là nơi cho học sinh, sinh viên thực hành, thực tập... *Một khía cạnh khác của xã hội học tập là toàn thể công dân đều phải học tập và triệt để tận dụng các cơ hội do xã hội học tập cung cấp.*

Học tập suốt đời và xã hội học tập là hai khái niệm có liên quan, gắn bó chặt chẽ với nhau. Xã hội học tập là nơi mà mọi cá nhân đều theo đuổi việc học thường xuyên, học suốt đời, mọi tổ chức đều trở thành những tổ chức học tập, mọi thành phần xã hội đều tham gia và đóng góp vào việc thúc đẩy học tập và phát triển giáo dục. Học tập suốt đời và xã hội học tập là một quan điểm tổng thể, toàn diện về sự phát triển, thay đổi, hợp tác và tham gia của mỗi một cộng đồng, mỗi một quốc gia trong thế giới có sự phát triển vũ bão của khoa học - công nghệ và bùng nổ thông tin, hội nhập và toàn cầu hoá ngày càng sâu rộng.

14. Quan điểm chỉ đạo và những nhiệm vụ, giải pháp chính trong Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI) đối với giáo dục ngoài công lập?

Ngay từ Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), Đảng ta đã xác định: "Đa dạng hoá các loại hình giáo dục - đào tạo"; "Phát triển những trường bán công, dân lập ở những nơi có điều kiện, từng bước mở các trường tư thục ở một số bậc học như: mầm non, phổ thông trung học (cấp III), trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đại học".

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khoá XI) tiếp tục thể hiện và phát triển thêm đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với giáo dục ngoài công lập.

Về quan điểm chỉ đạo, Nghị quyết xác định: "*Phát triển hài hoà, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và giáo dục ngoài công lập*".

Trong các nhiệm vụ, giải pháp, có nhiều điểm liên quan hoặc trực tiếp nói về giáo dục ngoài công lập. Cụ thể như sau:

- Khuyến khích xã hội đầu tư phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo. Tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Hướng tới có loại hình cơ sở giáo dục do cộng đồng đầu tư.

- Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập đáp ứng yêu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao ở khu vực đô thị.

- Đa dạng hoá các phương thức đào tạo. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại cơ sở sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế để tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động tham gia xây dựng, điều chỉnh, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học.

- Đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, thực hiện cơ chế đặt hàng trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo (không phân biệt loại hình cơ sở đào tạo), bảo đảm chi trả tương ứng chất lượng, phù hợp với ngành nghề và trình độ đào tạo. Minh bạch hoá các hoạt động liên danh, liên kết đào tạo, sử dụng nguồn lực công; bảo đảm sự hài hoà giữa các lợi ích với tích lũy tái đầu tư.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, trước hết là đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; có chính sách khuyến khích cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và đào tạo trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của người học, người sử dụng lao động và cơ sở giáo dục, đào tạo. Đối với các ngành đào tạo có khả năng xã hội hoá cao, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và khuyến khích tài năng. Tiến tới bình đẳng về quyền được hỗ trợ của Nhà nước đối với người học ở trường công lập và trường ngoài công lập. Bảo đảm bình đẳng giữa nhà giáo trường công lập và nhà giáo trường ngoài công lập về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách tài chính phù hợp đối với các loại hình trường. Có cơ chế ưu đãi tín dụng cho các cơ sở giáo dục, đào tạo.

- Có chính sách hỗ trợ để có mặt bằng xây dựng trường.

15. Quan điểm chỉ đạo và những nhiệm vụ, giải pháp chính trong Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI) về phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và hỗ trợ các đối tượng chính sách xã hội?

Trong những năm qua, nhiều chính sách về giáo dục và đào tạo đối với vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống đã được ban hành, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương nhằm phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng và giữ vững chủ quyền quốc gia. Các chính sách về giáo dục tập trung vào việc phát triển mạng lưới trường, lớp đến các xã, thôn, bản, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị; các chế độ, chính sách hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các trường chuyên biệt vùng dân tộc thiểu số và các chính sách cho người học là người dân tộc thiểu số, người có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng chính sách, đảm bảo cơ hội học tập cho mọi người nhằm tạo công bằng xã hội trong giáo dục.

Về quan điểm chỉ đạo, Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI) xác định: "*Phát triển hài hoà, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng miền. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ hoá, xã hội hoá giáo dục và đào tạo*".

Trong mục tiêu, Nghị quyết khẳng định bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện để người lao động chuyển đổi nghề; bảo đảm xoá mù chữ bền vững.

Để thực hiện có hiệu quả các quan điểm chỉ đạo của Nghị Quyết về phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số, giáo dục vùng khó khăn và các đối tượng diện chính sách, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới được xác định cụ thể như sau:

- Các bộ, ngành, địa phương xây dựng quy hoạch dài hạn phát triển nguồn nhân lực, dự báo nhu cầu về số lượng, chất lượng nhân lực, cơ cấu ngành nghề, trình độ. Trên cơ sở đó, đặt hàng và phối hợp với các cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức thực hiện.

- Chương trình giáo dục tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hoá, truyền thống và đạo lí dân tộc, tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Biên soạn sách giáo khoa, tài liệu hỗ trợ dạy và học phù hợp với từng đối tượng học, chú ý đến học sinh dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số. Đối với các ngành đào tạo có khả năng xã hội hoá cao, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và khuyến khích tài năng.

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hoá trường, lớp học và xây dựng nhà công vụ cho giáo viên.

16. Vì sao lại giữ ổn định hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm như hiện nay, trong khi có ý kiến đề nghị chỉ nên 11 năm?

Cơ cấu hệ thống giáo dục phải góp phần đảm bảo quyền lợi học tập của người dân. Chất lượng giáo dục của mỗi cấp học phải đảm bảo đạt chuẩn quốc gia và tương ứng với chất lượng quốc tế, phát huy hiệu quả đầu tư giáo dục. Trong quá trình góp ý cho Đề án đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, có ý kiến đề nghị số năm học của giáo dục phổ thông (GDPT) là 11 năm. Căn cứ của đề xuất này chủ yếu là: (1) Số năm học giảm đi sẽ tiết kiệm được thời gian ngồi trên ghế nhà trường và giảm được chi phí của Nhà nước và gia đình, đồng thời tăng thêm được lực lượng lao động cho gia đình và xã hội; (2) GDPT Việt Nam đã từng có giai đoạn 11 năm; trên thế giới cũng có những nước thực hiện GDPT 11 năm và (3) Hiện nay, học sinh Việt Nam phát triển nhanh hơn về thể chất và tâm - sinh lí...

Tuy nhiên, sau nhiều hội thảo và nghiên cứu, đa số ý kiến vẫn đề nghị ổn định hệ thống giáo dục như hiện nay, tức 12 năm GDPT. Lí do chính là: (1) Trong lịch sử giáo dục Việt Nam, mô hình giáo dục 12 năm tồn tại lâu nhất và ổn định nhất (tính từ sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 đến nay, mô hình 12 năm đã tồn tại 32 năm trong phạm vi cả nước); (2) Mô hình GDPT 12 năm được thực hiện ở đa số nước trên thế giới. Theo thống kê của UNESCO, có 163/206 nước, GDPT từ 12 năm trở lên (12 - 14 năm), chiếm tỉ lệ 79,1%; trong đó, hệ thống GDPT 12 năm là phổ biến nhất: 117 nước, chiếm tỉ lệ 56,8%. Nhiều nước phát triển như Anh, Ý, Na uy... có hệ thống GDPT 13 năm; (3) Số giờ dạy học trung bình của 21 nước trong khối OECD(1) là 8.984 giờ; cao nhất là 12.893 giờ (Hoa Kỳ) và thấp nhất là 6.128 giờ (Hy Lạp). GDPT Việt Nam 12 năm như phần lớn các nước trong khối OECD, nhưng do điều kiện khó khăn khách quan, đại bộ phận trường phổ thông ở nước ta chỉ dạy học 1 buổi/ngày nên tổng số giờ học của học sinh Việt Nam chỉ là 7.924 giờ, ít hơn

16/21 nước trong khối OECD; (4) Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển năng lực học sinh là xu thế quốc tế đã và đang được nhiều nước áp dụng. Định hướng này đòi hỏi phải gia tăng thời lượng cho việc tổ chức các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động thực hành và vận dụng kiến thức.

17. Tại sao hệ thống giáo dục phải đảm bảo sự phân luồng, liên thông hợp lý?

Quy luật phát triển của giáo dục nói chung là càng lên bậc học cao, số lượng người học càng giảm. Không có nước nào, kể cả những nước có điều kiện nhất, toàn bộ số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, chuyên tất cả lên học cao đẳng, đại học. Học sinh có những năng lực, sở trường, sở thích khác nhau. Xã hội, thị trường lao động cũng đòi hỏi nhân lực các trình độ khác nhau, không nhất thiết và không cần người lao động nào cũng phải tốt nghiệp đại học, cao đẳng. Vì thế, cần phân luồng ngay từ những bậc học dưới (thường là sau trung học cơ sở và nhất là sau trung học phổ thông). Nhìn chung, sự phân luồng được thực hiện theo hai hướng chính: (1) hệ thống trường dạy nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp nhằm đào tạo lực lượng lao động trực tiếp, có tay nghề kỹ thuật; (2) hệ thống các trường cao đẳng, đại học để học sinh học tiếp lên cao nhằm đào tạo đội ngũ trí thức, nguồn nhân lực trình độ cao và phát triển nhân tài. Phân luồng phù hợp sẽ tạo ra sự cân đối giữa các lực lượng lao động trong xã hội.

Bên cạnh việc thực hiện phân luồng một cách phù hợp, hệ thống giáo dục và đào tạo cần phải tạo được sự liên thông giữa các bậc học, các trình độ đào tạo, hệ thống chứng chỉ, bằng cấp... với mục đích tạo mọi điều kiện cho việc học tập được chuyên đổi một cách thuận tiện, linh hoạt; giúp mọi người dễ dàng tiếp tục học tập bằng nhiều hình thức khác nhau, chuyển đổi nghề nghiệp khi cần; động viên và đề cao tinh thần học suốt đời.

Làm tốt công tác liên thông sẽ có tác động tích cực trở lại đối với phân luồng; giúp cho việc phân luồng dễ dàng và thuận lợi hơn.

18. Mục tiêu cụ thể đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục mầm non? Những nội dung nào là mới so với mục tiêu lâu nay đã xác định?

Mục tiêu cụ thể đổi mới căn bản giáo dục mầm non là: Giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ bước vào lớp 1.

Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo và thực hiện miễn học phí trước năm 2020 cho đối tượng này. Từng bước chuẩn hoá hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng, phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục.

Những điểm mới trong mục tiêu giáo dục mầm non là:

- Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo.

- Thực hiện việc miễn học phí trước năm 2020 cho trẻ 5 tuổi.
- Từng bước chuẩn hoá trường mầm non và phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục.

19. Giáo dục bắt buộc là gì?

Giáo dục bắt buộc là quy định, yêu cầu của Nhà nước về chương trình giáo dục tối thiểu đối với công dân. Nhà nước miễn học phí và bảo đảm những điều kiện cần thiết nhất cho mỗi người dân được học tập chương trình giáo dục bắt buộc. Người học có nghĩa vụ và trách nhiệm học tập theo quy định.

Trên thế giới hiện nay, số năm giáo dục bắt buộc thường là 9 năm (từ lớp 1 đến lớp 9), có nước ít hơn 9 năm, nhưng có nước 10, 11 năm hoặc nhiều hơn.

20. Mục tiêu cụ thể đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông? Những nội dung nào là mới so với mục tiêu lâu nay đã xác định?

Mục tiêu cụ thể là:

- Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời.

- Hoàn thành việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015. Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm 2020.

- Phần đầu đến năm 2020, có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương.

Mục tiêu trên so với mục tiêu lâu nay có những điểm mới. Trước hết là việc nhấn mạnh tập trung hình thành "*năng lực công dân; năng lực thực hành và vận dụng kiến thức vào thực tiễn*". Phát triển năng lực là một trong những yêu cầu quan trọng, thể hiện rõ nhất việc đổi mới mục tiêu giáo dục lần này. Năng lực được hiểu là sự vận dụng tổng hợp nhiều yếu tố (kiến thức, kỹ năng, thái độ, động cơ, hứng thú...) nhằm thực hiện công việc có hiệu quả. Quan niệm này chi phối toàn bộ các yếu tố của quá trình giáo dục, từ nội dung, phương pháp đến đánh giá kết quả học tập. Mục tiêu phát triển năng lực nhằm khắc phục tình trạng quá chú trọng vào trang bị kiến thức hàn lâm, kinh viện; người học biết nhiều lý thuyết nhưng thực hành, vận dụng kém... Thứ hai, mục tiêu "chú trọng ngoại ngữ (trước hết là tiếng Anh), tin học" cũng là nội dung mới nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nền kinh tế tri thức. Ngoài hai nội dung vừa nêu, mục tiêu học sinh học hết trung học cơ sở phải có tri thức phổ thông nền tảng, "giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau 2020", có 80% thanh

niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương cũng là nội dung mới.

21. Mục tiêu cụ thể đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nghề nghiệp? Những nội dung nào là trọng tâm đổi mới so với trước đây?

Mục tiêu cụ thể là:

- Tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp.
- Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Những nội dung trọng tâm đổi mới mục tiêu giáo dục nghề nghiệp:

- Tích hợp kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp để hình thành năng lực, phẩm chất cho người học.
- Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo.
- Giáo dục nghề nghiệp phát triển theo hướng ứng dụng, thực hành bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật, công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

22. Mục tiêu cụ thể đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học? Những nội dung nào là mới so với mục tiêu lâu nay đã xác định?

Mục tiêu cụ thể là:

- Tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất, năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học.
- Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia; trong đó có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hoá các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Nội dung mới so với trước đây:

- Giáo dục đại học *không chỉ* tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài *mà phải đặc biệt coi trọng* phát triển phẩm chất, năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học.
- Mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phải phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia; *trong đó có một số trường ngang tầm khu vực và quốc tế.*
- Thực hiện *phân tầng* cơ sở giáo dục đại học nhằm phục vụ công tác quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện *xếp hạng* các cơ sở giáo dục đại học để đánh giá uy tín và chất lượng đào tạo phục vụ quản lý nhà nước và ưu tiên đầu tư về ngân sách.

- Phát triển giáo dục đại học phải gắn với tiến bộ khoa học và công nghệ; *phù hợp với quy luật khách quan*. Chuyên phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó có giáo dục đại học *từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng*.

23. Mục tiêu cụ thể đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục thường xuyên? Những nội dung nào là mới so với mục tiêu lâu nay đã xác định?

Mục tiêu cụ thể là:

- Bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng diện chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để chuyển đổi nghề nghiệp đối với người lao động; bảo đảm xoá mù chữ bền vững.

- Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa.

Những nội dung mới so với mục tiêu lâu nay đã xác định: Nhân mạnh phát triển giáo dục thường xuyên gắn kết chặt chẽ và liên thông với giáo dục chính quy để phát triển tài nguyên con người; giáo dục thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động được bổ sung kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để có thể *chuyển đổi nghề nghiệp*, thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội; mở rộng các hình thức học tập phong phú, linh hoạt và *đặc biệt coi trọng tự học*, coi việc thường xuyên học tập, học suốt đời của mỗi cá nhân là yếu tố quyết định xây dựng thành công một xã hội học tập.

24. Giải pháp khắc phục tình trạng quá tải của chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông hiện nay?

Hiện tượng "quá tải" trong nhà trường phổ thông là một thực tế gây bức xúc xã hội. Hiện tượng ấy do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về chương trình và sách giáo khoa. Để khắc phục tình trạng này, phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp. Riêng về chương trình và sách giáo khoa hiện hành, thời gian qua Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có những giải pháp nhằm khắc phục hạn chế như: Rà soát lại chương trình và sách giáo khoa, qua đó bỏ bớt những nội dung quá khó hoặc chưa cần thiết với học sinh phổ thông; loại bỏ các thông tin đã lạc hậu; trao quyền tự chủ cho giáo viên trong việc sắp xếp lại nội dung, cấu trúc bài giảng sao phù hợp với đối tượng người học của từng vùng miền; đổi mới việc ra đề thi theo hướng mở, tăng cường yêu cầu vận dụng kiến thức, giảm các yêu cầu ghi nhớ máy móc các số liệu, thuộc lòng các nội dung học tập.

Cách làm trên chỉ là giải pháp trước mắt, phục vụ trực tiếp cho yêu cầu nhằm giảm tải, giảm bớt áp lực và gánh nặng học hành cho học sinh. Sự quá tải của chương trình và sách giáo khoa chỉ có thể khắc phục căn bản khi xây dựng lại chương trình và sách giáo khoa mới sau 2015.

25. Nội dung và phương pháp giáo dục phổ thông được đổi mới theo hướng nào?

Quan điểm chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông là chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lí luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

Định hướng khái quát này được thể hiện cụ thể ở một số điểm sau đây:

- Chương trình giáo dục phổ thông sẽ được xây dựng thành một chỉnh thể xuyên suốt từ lớp 1- lớp 12; tích hợp cao ở các lớp/cấp học dưới; phân hoá mạnh ở các lớp/cấp học cao hơn, nhất là ở trung học phổ thông. Số môn học bắt buộc sẽ giảm nhiều; học sinh được tự chọn các môn học/các chuyên đề phù hợp với năng lực và sở thích, gắn với định hướng nghề nghiệp sau này.

- Nội dung các môn học sẽ "tinh giản, cơ bản, hiện đại, giảm tính hàn lâm, tăng tính thực hành và vận dụng kiến thức và kĩ năng vào thực tiễn". Định hướng trên cũng hạn chế được tính hàn lâm, xa rời cuộc sống.

- Phương pháp dạy và học sẽ khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ và tự học, theo phương châm "giảng ít, học nhiều". Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học; đa dạng hoá các hình thức tổ chức giáo dục...

26. Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa là gì?

Dạy học tích hợp là dạy học, trong đó giáo viên tổ chức, hướng dẫn để học sinh biết huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ học tập; qua đó hình thành những kiến thức, kĩ năng mới; phát triển được những năng lực cần thiết, nhất là năng lực giải quyết vấn đề trong học tập và thực tiễn cuộc sống. Dạy học tích hợp sẽ giúp cho việc giảm số môn học và lồng ghép được các vấn đề thời sự của cuộc sống vào các môn học và hoạt động giáo dục.

Dạy học phân hoá là dạy học theo từng loại đối tượng, phù hợp với tâm - sinh lí, khả năng, nhu cầu và hứng thú của người học nhằm phát triển tối đa tiềm năng riêng vốn có của mỗi người học; người học được chủ động lựa chọn các môn học hoặc chủ đề phù hợp với năng lực và sở thích của mình.

27. Những đổi mới về kiểm tra, thi và đánh giá chất lượng giáo dục. Vì sao đổi mới kiểm tra, thi, đánh giá chất lượng giáo dục được coi là giải pháp đột phá đổi mới giáo dục?

Việc thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục sẽ được đổi mới theo hướng:

- Đổi mới cả nội dung, phương pháp đánh giá (kiểm tra, thi hết môn, thi lên lớp, thi tốt nghiệp). Chuyển từ đánh giá kiến thức mà người học nắm được sang đánh giá việc hình thành năng lực, phẩm chất của người học.

- Kết hợp chặt chẽ kết quả đánh giá định kì của người dạy với kết quả thi, đánh giá của người dạy và tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường và đánh giá của xã hội.

- Tách bạch đánh giá kết quả học tập của từng học sinh với đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, địa phương và cả nước.

- Giao quyền tự chủ cho các trường đại học, cao đẳng trong tuyển sinh theo hướng: Các trường lập phương án tuyển sinh của mình theo hướng dẫn, quy định, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, để các trường tăng thêm quyền chủ động và đảm bảo công tác tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc.

Đổi mới kiểm tra, thi, đánh giá được coi là giải pháp đột phá nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam là vì:

- Trong bối cảnh của Việt Nam, khi giáo dục nặng về ứng thí và tâm lí sinh bằng cấp khá phổ biến trong xã hội thì công tác kiểm tra, thi, đánh giá có tác động hết sức mạnh mẽ đến việc dạy và học. "Thi gì học nấy" nên đổi mới kiểm tra, thi, đánh giá sẽ có tác động trở lại đến toàn bộ các yếu tố của quá trình dạy và học trong các nhà trường. Đổi mới kiểm tra, thi, đánh giá không đòi hỏi tốn kém nhiều kinh phí.

- Hiện trạng công tác kiểm tra, thi, đánh giá của cả hệ thống nước ta còn có nhiều hạn chế, lạc hậu từ mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện đến quy trình, cách thức xử lí, sử dụng kết quả; coi việc đánh giá kết quả học tập chỉ là việc cho điểm các bài thi, bài kiểm tra...; cách tổ chức còn nặng nề, tốn kém... Do đó, để đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, nhất thiết phải thực hiện ngay việc đổi mới kiểm tra, đánh giá và thi cử.

28. Mối quan hệ giữa đổi mới giáo dục phổ thông và đổi mới ở các trường sư phạm lần này được thể hiện như thế nào?

- Đổi mới sư phạm lấy đổi mới giáo dục phổ thông làm mục đích, mục tiêu. Đổi mới ở trường sư phạm gắn bó chặt chẽ, hài hoà và đi trước một bước đổi mới giáo dục phổ thông. Đổi mới sư phạm là điều kiện thành công cho đổi mới phổ thông. Ngược lại, đổi mới phổ thông cũng đặt ra yêu cầu, "bài toán" cho đổi mới sư phạm. Mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo trong trường sư phạm sẽ phải thay đổi để việc đào tạo, đào tạo lại đội ngũ nhà giáo thực hiện được tốt chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Giáo dục phổ thông và đào tạo sư phạm đều đã bắt đầu đổi mới. Ví dụ, việc đổi mới quá trình đào tạo sư phạm theo định hướng phát triển năng lực của giáo sinh, nhất là năng lực giáo dục và nghiệp vụ sư phạm thì không phải chờ đến khi ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới; hơn nữa, dù chưa có chương trình mới thì phổ thông đã đang đổi mới từng phần, đang đặt ra những yêu cầu cấp bách đổi mới sư phạm. Như vậy, sư phạm và phổ thông phải cùng đổi mới, cùng tạo ra và nhân lên sức mạnh tổng hợp.

29. Lộ trình đổi mới giáo dục phổ thông sẽ được thực hiện như thế nào? Chỉ còn 2 năm nữa là tới mốc 2015, liệu thời gian này có đủ để các ban, ngành thực hiện đề án kịp tiến độ?

Sau khi Trung ương ban hành Nghị quyết, tất cả các bộ, ngành, địa phương đều phải xây dựng Chương trình hành động để thực hiện. Mốc thời gian sau 2015 là mốc yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đúng là thời gian còn không

hiều, nhưng từ sau Đại hội Đảng lần thứ XI, ngành Giáo dục đã tổ chức triển khai nghiên cứu nhiều vấn đề xung quanh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông từ kinh nghiệm của Việt Nam đến xu thế quốc tế; không những thế còn tiến hành thực hiện vận dụng những tư tưởng, định hướng đổi mới vào thực tiễn dạy học, áp dụng một số mô hình và phương pháp dạy học được coi là tiên tiến, đúng hướng, có hiệu quả vào nhà trường như: Dạy tiếng Việt lớp 1 theo Công nghệ giáo dục. Vận dụng mô hình trường học mới ở tiểu học và đang chuẩn bị mở rộng lên trung học cơ sở. Áp dụng phương pháp dạy học dựa trên sự tìm tòi, trải nghiệm khoa học của học sinh (phương pháp "Bàn tay nặn bột"). Triển khai hướng dẫn và tổ chức thi sáng tạo khoa học kỹ thuật của học sinh phổ thông...

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang khẩn trương hoàn thành *Đề án đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau 2015* để trình Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở những việc đã và đang triển khai, sẽ triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các mặt công tác và các điều kiện đảm bảo để thực hiện Đề án.

30. Vì sao nội dung giáo dục nghề nghiệp phải đổi mới theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học? Sắp tới, sự đổi mới này sẽ được triển khai?

Hoạt động nghề nghiệp yêu cầu năng lực thực hiện của người lao động. Năng lực được hình thành chỉ thông qua tích hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ, đạo đức nghề nghiệp. Nếu chỉ có kiến thức và kỹ năng mà không có thái độ, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn thì người lao động sẽ không thể sử dụng kiến thức, kỹ năng một cách hiệu quả trong công việc, khó có cơ hội tìm việc làm.

Chúng ta chưa làm tốt việc tích hợp 3 thành tố trên trong quá trình thiết kế, thực hiện chương trình đào tạo. Các môn học hoặc học phần được thiết kế và thực hiện rời rạc, thiếu tích hợp nên người học khi ra trường thường rất lúng túng khi xử lý các vấn đề trong thực tế hành nghề.

Những công việc sắp tới cần làm là phải xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp quốc gia, khung trình độ, chuẩn chương trình đào tạo dựa vào tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, các tiêu chuẩn đánh giá; biên soạn và hiện đại hoá giáo trình, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý theo yêu cầu tiếp cận năng lực; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục nghề nghiệp bằng nhiều nguồn khác nhau; phải có sự hợp tác chặt chẽ, thường xuyên giữa nhà trường và doanh nghiệp để huy động nguồn lực và cho phép người học sớm làm quen với thực tế việc làm theo ngành nghề đào tạo...

Thực hiện đổi mới quản lý giáo dục nghề nghiệp, trong đó chú trọng xây dựng quy hoạch cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đảm bảo đầu tư hiệu quả; hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật như Luật giáo dục nghề nghiệp, Quy chế đào tạo theo tín chỉ; quy định đảm bảo chất lượng; quy định về tiêu chuẩn định mức, thành lập Hội đồng tư vấn về giáo dục nghề nghiệp...

31. Vì sao cần phân định và phân định như thế nào công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo với công tác quản trị của các cơ sở giáo dục, đào tạo?

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục là nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục. Công tác quản trị (điều hành) các hoạt động giáo dục, đào tạo là trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Đây là hai lĩnh vực khác nhau nên cần phải được phân định rõ:

- Thực hiện chương trình cải cách hành chính của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp quản lý, trong đó có phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục. Theo đó, phải tăng cường phân cấp nhưng bảo đảm việc quản lý thống nhất, thông suốt từ Trung ương tới địa phương; một cơ quan có thể làm nhiều việc nhưng một việc chỉ một cơ quan làm và chịu trách nhiệm chính. Cơ quan quản lý giáo dục các cấp không làm thay những việc mà cơ sở giáo dục hoặc xã hội có thể làm được và làm tốt để hướng tới một xã hội dân sự.

- Cơ quan quản lý giáo dục từ Trung ương tới địa phương phải tập trung nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng chính sách phát triển giáo dục để ban hành theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành. Tập trung công tác chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về giáo dục. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm các cơ sở giáo dục trong việc tuân thủ pháp luật về giáo dục.

- Các cơ sở giáo dục, đào tạo được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính, tài sản để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Đổi mới quản trị của cơ sở giáo dục, đào tạo theo hướng phát huy dân chủ, tính sáng tạo. Trong hội đồng trường bảo đảm vai trò của Đảng uỷ và cơ quan chủ quản. Thực hiện cơ chế tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình, công khai, chịu sự giám sát của các chủ thể nhà trường, của Nhà nước và của xã hội, chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình trước các hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý các cấp.

32. Ý nghĩa của việc các cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương được tham gia quyết định các vấn đề về nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp?

Cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương là Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về chất lượng giáo dục trên địa bàn. Ở cấp huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp về chất lượng giáo dục trên địa bàn huyện. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 115/2010/NĐ-CP quy định các cơ quan này có trách nhiệm bảo đảm chất lượng giáo dục thì phải được tham gia quyết định, quản lý các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục về nhân sự và tài chính. Tuy nhiên, thời gian qua, việc triển khai của các địa phương còn nhiều mức độ khác nhau, cần phải tiếp tục quán triệt, thực hiện và rút kinh nghiệm để thực hiện đúng, đầy đủ và tốt hơn.

Do vậy, Nghị quyết Trung ương xác định vấn đề này là hết sức cần thiết để tạo sự đồng thuận trong toàn Đảng và chính quyền các cấp, thể hiện đổi mới tư duy

và phân cấp, tăng tính chủ động, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý nhà nước về giáo dục.

33. Công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra đã được đề cập như thế nào trong Nghị quyết?

Nghị quyết đã xác định một trong những nguyên nhân của các yếu kém về giáo dục trong thời gian qua là do "công tác quản lý chất lượng, thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa được coi trọng đúng mức". Trong điều kiện đẩy mạnh phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục, đào tạo thì công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra phải được tăng cường. Nghị quyết khẳng định: Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò hội đồng trường; thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch các hoạt động của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

34. Thực hiện Nghị quyết, công tác kiểm định chất lượng sẽ được triển khai như thế nào trong thời gian tới?

Kiểm định chất lượng giáo dục là hoạt động tự đánh giá của cơ sở giáo dục, đào tạo và đánh giá ngoài của các cơ quan có chức năng đánh giá độc lập (thường được gọi là cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục) để đánh giá các cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc đánh giá các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục xác nhận mức độ cơ sở giáo dục đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định, làm căn cứ để cơ sở giáo dục - đào tạo giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục, được công khai, là căn cứ tham khảo cho người học lựa chọn cơ sở giáo dục, đào tạo và nhà sử dụng lao động tuyển chọn nhân lực từ cơ sở đào tạo.

Những yêu cầu chung về kiểm định chất lượng giáo dục đã được đưa vào Luật giáo dục (2005), Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục (2009) và Luật Giáo dục đại học (2012). Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành các bộ tiêu chuẩn đánh giá và các quy trình kiểm định chất lượng giáo dục các cấp học, các quy định về thành lập các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và các tiêu chuẩn về kiểm định viên...

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục đang được triển khai trong cả nước. Tất cả các Sở Giáo dục và Đào tạo đều có Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục. Trên 66% số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên trong cả nước đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá; nhiều cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Từ nay đến năm 2020, tiếp tục huy động tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên triển khai tự đánh giá, cải tiến chất lượng và đăng kí kiểm định chất lượng giáo dục theo chu kỳ 5 năm/lần.

Đối với các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp, tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng và Phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2011 - 2020" theo

Quyết định số 4138/ QĐ-BGDĐT ngày 20/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, đến hết năm 2015 sẽ thành lập 3 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (tổ chức kiểm định đầu tiên được thành lập theo quyết định số 3568/QĐ-BGDĐT ngày 05/9/2013), đến năm 2020 có 95% số cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp và các chương trình đào tạo được kiểm định ít nhất một lần.

35. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có vai trò như thế nào trong việc thực hiện Nghị quyết? Các giải pháp cơ bản để xây dựng và phát triển đội ngũ này trong thời gian tới?

Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI khẳng định: Cùng với đổi mới cơ chế quản lý, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI) yêu cầu: "Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục". Để xây dựng, phát triển đội ngũ này, cần:

- Xây dựng quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế.

- Khắc phục tình trạng phân tán các cơ sở đào tạo nhà giáo; tập trung xây dựng một số trường sư phạm, trường sư phạm kỹ thuật trọng điểm; điều phối hệ thống trường sư phạm theo mục tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên phạm vi cả nước.

- Có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng để tuyển chọn được những người thực sự có phẩm chất, năng lực phù hợp vào ngành sư phạm.

- Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của nhà giáo theo yêu cầu nâng cao chất lượng, trách nhiệm, đạo đức nhà giáo và năng lực nghề nghiệp.

- Thực hiện chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả giáo viên tiểu học, trung học cơ sở phải có trình độ đại học trở lên; giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trình độ đại học trở lên và có năng lực sư phạm, năng lực chuyên môn tương ứng với trình độ và ngành nghề đào tạo; giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải được đào tạo về nghiệp vụ quản lý.

Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- Việc tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phải trên cơ sở đánh giá thực tế năng lực, đạo đức nghề nghiệp và hiệu quả công tác. Có chế độ ưu đãi và quy định hợp lý tuổi nghỉ hưu đối với nhà giáo có trình độ cao, đồng thời có cơ chế sàng lọc, miễn nhiệm, bố trí công việc khác hoặc kiên quyết đưa ra khỏi ngành đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- Lương và các chính sách khác là một trong những yếu tố chính tạo động lực cống hiến và đổi mới giáo dục của đội ngũ nhà giáo. Nghị quyết Trung ương lần này tiếp tục khẳng định: "Lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng".

- Có chính sách hỗ trợ giảng viên trẻ về chỗ ở, học tập và nghiên cứu khoa học; khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bảo đảm bình đẳng về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giữa nhà giáo trường công lập và trường ngoài công lập. Tạo điều kiện để người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia quốc tế tham gia giảng dạy và nghiên cứu trong nước.

36. Chính sách đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong điều kiện hiện nay?

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong đầu tư, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đúng mục đích phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách để đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư cho giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích các loại hình giáo dục ngoài công lập. Lựa chọn các dự án và khuyến khích đầu tư theo các hình thức BOT, PPP... nhằm thu hút vốn ngoài ngân sách nhà nước. Có chính sách hỗ trợ để có mặt bằng xây dựng trường.

Khai thác triệt để và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có, chỉ đầu tư mới khi cần thiết và phù hợp với quy hoạch phát triển của hệ thống giáo dục.

Ưu tiên thực hiện mục tiêu kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin. Đảm bảo đến 2020 đủ số phòng học trên lớp và số học sinh mỗi lớp không vượt quá quy định của từng cấp học. Trước mắt, ưu tiên đủ số phòng học, nhà công vụ cho giáo viên, ưu tiên đầu tư cho phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, ưu tiên cho vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn; đảm bảo đến năm 2015 đủ số phòng học trên lớp theo quy định.

Ưu tiên đầu tư ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đánh giá, đổi mới phương pháp dạy và học, chia sẻ dữ liệu dùng chung nhằm tối ưu hoá nguồn lực đầu tư.

Đối với giáo dục mầm non và phổ thông:

- Nhà nước ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phát triển các cơ sở giáo dục công lập và có cơ chế hỗ trợ để đảm bảo từng bước hoàn thành mục tiêu phổ cập theo quy định.

- Khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao ở khu vực đô thị và các vùng có điều kiện kinh tế phát triển.

- Trên cơ sở quy hoạch mạng lưới trường, lớp học và tận dụng triệt để, có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, huy động toàn bộ nguồn lực của xã hội để phấn đấu đến 2015 đảm bảo đủ số phòng học cho phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và đủ số phòng học cho việc huy động trẻ từ 4 - 5 tuổi ra lớp đạt tỉ lệ 70%, trẻ dưới 3 tuổi đạt 25%. Hoàn thiện hệ thống các trường dân tộc nội trú trong cả nước để đảm bảo tỉ lệ học sinh dân tộc được học trong các trường nội trú đạt 7 - 12% số học sinh dân tộc. Đảm bảo đủ chỗ ở cho học sinh các trường bán trú. Hoàn thiện hệ thống trường chuyên. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Đảm bảo đủ trường lớp để tiếp nhận 80% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học trung học phổ thông, học nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp. Phấn đấu đến 2020, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đủ các phòng chức năng, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, phòng học tin học, thư viện... và các khu chức năng khác phục vụ các hoạt động giáo dục.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm thiết bị cho các phòng thực hành với mục tiêu nâng cao kĩ năng thực hành cho học sinh, đầu tư chất lượng và đồng bộ. Tăng cường đầu tư xây dựng các phần mềm nghe, nhìn, thí nghiệm kĩ thuật số, xây dựng bài giảng điện tử trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin. Từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin cấp trường/địa phương và cấp toàn ngành. Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung.

Đối với giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp:

- Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất một số trường đại học, ngành đào tạo trọng điểm, trường sư phạm.

- Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin của các trường đại học, nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập, lấy trọng tâm là thư viện, tạo lập hệ thống thư viện dùng chung, chia sẻ dữ liệu trong hệ thống. Xây dựng một số thư viện trung tâm thuộc các khối ngành.

- Xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm ở một số trường đại học để hình thành những trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống các xưởng, trạm thực hành nhằm nâng cao tay nghề, kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

- Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo, lựa chọn các dự án đầu tư để khuyến khích đầu tư theo hình thức PPP (đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO – Thúy Hiền st